

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 570/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02/6/2021

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, TP.HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Chính

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiếu Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 940/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Liên H, sinh năm 1985 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: đường Lê Chí Dân, tổ 2, khu phố 2, phường TBH, Thành phố TDM, tỉnh BD.

* Bị đơn: Ông Tô Thanh Đ, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 3, xã NB, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 03/9/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Ngô Thị Liên H trình bày:

Về hôn nhân: Bà Ngô Thị Liên H và ông Tô Thanh Đ có tự nguyện tìm hiểu và chung sống năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NB, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 01/4/2009 (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyền số 01/2009). Sau khi kết hôn bà và ông Đ chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình hai bên không hòa hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, gây gổ nhau. Sau khi bà H sinh con giữa bà H và ông Đ tuy sống chung một nhà nhưng không còn quan hệ vợ chồng, mạnh ai nấy lo, không ai còn quan tâm đến ai. Do đời sống hôn nhân không hạnh phúc nên năm 2019 bà H về nhà cha mẹ ruột ở Bình Dương sống ly thân với ông Đ cho đến nay. Hiện nay, bà

H xác định không còn tình cảm với ông Đ, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, bà H không thể sống chung với ông Đ, vì vậy bà H cương quyết yêu cầu ly hôn ông Tô Thanh Đ.

Về con chung: Bà H và ông Đ có 01 con chung tên Tô Thành N, sinh ngày 05/02/2010. Hiện nay trẻ N đang sống chung với ông Đ tại nhà của ông bà nội. Trước đây khi nộp đơn xin ly hôn bà H đồng ý giao con chung cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không cấp dưỡng tiền nuôi con. Tuy nhiên hiện nay trẻ N có nguyện vọng được sống chung với bà H. Do đó, sau khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn quyết định đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Ngô Thị Liên H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Tô Thanh Đ nên đây là tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”. Bị đơn ông Tô Thanh Đ cư trú trên địa bàn huyện Hóc Môn, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp. HCM thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Bà Ngô Thị Liên H (là nguyên đơn trong vụ án) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Tô Thanh Đ (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông Đ.

[3] Về hôn nhân: Bà Ngô Thị Liên H và ông Tô Thanh Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã NB, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 01/4/2009, do vậy hôn nhân của bà H và ông Đ là hôn nhân hợp pháp. Nay bà H yêu cầu ly hôn ông Đ nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 để giải quyết.

Nguyên đơn cho rằng sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình hai bên không hòa hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, gây gổ nhau. Trong thời gian sống chung, vợ chồng thiếu sự tôn trọng, không còn quan tâm, chia sẻ, cảm thông nhau. Hiện nay, bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể cải thiện, bà H không thể tiếp tục sống chung vợ chồng với ông Đ. Hội đồng xét xử xét thấy

căn cứ lời khai của bà H thể hiện giữa bà H và ông Đ có mâu thuẫn nên bà H và ông Đ sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng ly thân nhau, giữa bà H và ông Đ không còn tình yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, qua các lần Tòa án hòa giải cho ông Đ thời gian để tạo sự hàn gắn, níu kéo hạnh phúc gia đình nhưng ông Đ đã không có mặt dù đã được tổng đạt hợp lệ thông báo phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo kết quả tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, điều đó thể hiện ông Đ không có phương hướng, biện pháp và thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Như vậy, ông Đ đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: bà H và ông Đ có 01 con chung tên Tô Thành N, sinh ngày 05/02/2010.

Hiện nay trẻ N đang sống chung với ông Đ tại nhà của ông bà nội địa chỉ ấp 3, xã NB, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh. Trước đây khi nộp đơn xin ly hôn bà H đồng ý giao con chung cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không cấp dưỡng tiền nuôi con. Tuy nhiên, hiện nay trẻ N có nguyện vọng được sống chung với bà H nên bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng tiền nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy tại Biên bản lấy lời khai ngày 14/01/2021 cháu N trình bày hiện đang sống chung với ba và ông bà nội tại địa chỉ ấp 3, xã NB, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh và có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do vậy, xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của cháu Nhân, việc bà H yêu cầu trực tiếp nuôi trẻ N là phù hợp với lợi ích của con và có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, cần giao trẻ N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà H không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng tiền nuôi con, xét thấy việc không yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện nên tạm ngưng cấp dưỡng tiền nuôi con đối với ông Đ cho đến khi có đơn yêu cầu của bà H.

[5] Về tài sản chung: Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ; Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Ngô Thị Liên H và ông Tô Thanh Đ.

2/. Về nuôi con chung: bà H và ông Đ có 01 con chung tên Tô Thành N, sinh ngày 05/02/2010.

2.1. Giao con chung là Tô Thành N, sinh ngày 05/02/2010 cho bà Ngô Thị Liên H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Tạm ngưng cấp dưỡng tiền nuôi con đối với ông Đ cho đến khi bà H có đơn yêu cầu.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3/. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

4/. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/. Về án phí: Bà Ngô Thị Liên H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà H đã nộp theo biên lai số AA/2019/0076315 ngày 02/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6/. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- UBND xã NB, huyện HM
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thanh

